

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ – ST
Ngày: 05-7- 2023
“Về việc xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mỹ Trang
Ông Nguyễn Đình Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023, về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Phan Quốc P**, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: ấp MT, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

*** Bị đơn: Chị Ngô Thị H**, sinh năm: 1964 (có mặt)

Địa chỉ: ấp LH2, xã LM, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Quốc P trình bày:** Nguyên vào năm 2019, anh và chị Ngô Thị H tự nguyện quen biết, tìm hiểu dẫn tới hôn nhân, kết hôn theo thủ tục Công giáo, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang vào ngày 13/11/2019 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại cầu BG, chợ G, xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang được thời gian đầu. Đến tháng 12/2021, bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên anh yêu cầu ly hôn với chị Ngô Thị H.

- Con chung: quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết bị đơn chị Ngô Thị H trình bày:* chị thừa nhận 02 bên chung sống kết hôn theo thủ tục Công giáo, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang vào ngày 13/11/2019 đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 như anh P trình bày. Theo đơn khởi kiện mà anh P gửi thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nhưng nguyên nhân không phải như anh P trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình anh P lãng nhãng, không chung thủy, không làm ra tiền, không phụ giúp đời sống kinh tế gia đình, không thực hiện nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ và chồng, chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh P không thay đổi nay anh P yêu cầu ly hôn với chị, chị không đồng ý, chị cần thời gian để suy nghĩ kỹ rồi mới quyết định.

- Con chung: quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung phải thu, phải trả: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Phan Quốc P giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Ngô Thị H giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn với anh P, nếu anh P cương quyết ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định, hiện nay chị cũng không cần sống với anh P nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên vào năm 2019, anh P và chị Ngô Thị H tự nguyện quen biết, tìm hiểu dẫn tới hôn nhân, kết hôn theo thủ tục Công giáo, có đăng ký kết hôn tại UBND xã MH, huyện CB, tỉnh Tiền Giang vào ngày 13/11/2019. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị H là hôn nhân hợp pháp.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Anh P cho rằng vợ chồng chung sống hòa thuận được thời gian đầu. Đến tháng 12/2021, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên gây cãi, dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H cho rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nhưng nguyên nhân không phải như anh P trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình anh P lãng nhãng, không chung thủy... Tại phiên tòa hôm nay chị H không đồng ý ly hôn nhưng cho rằng không cần anh P nữa; đồng thời, anh P và chị H xác định không thể hàn gắn, vợ chồng mỗi người một nơi, không còn quan tâm nhau từ tháng 12/2021 đến nay. Do đó, chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị H trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên xét việc anh P yêu cầu ly hôn với chị H là có căn cứ phù hợp với Điều 51 và 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[2] Về con chung: vợ chồng xác định không có con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: anh P phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Quốc P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Phan Quốc P được ly hôn với chị Ngô Thị H.

2/ Về con chung: không có nên không xem xét.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ chung phải thu, phải trả: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4/ Về án phí: Anh Phan Quốc P phải nộp phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0007659 ngày 24 tháng 3 năm 2023.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAT;
- VKSNDH;
- THADS;
- UBND xã MH, CB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Thị Tám